TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:404/2024/QĐST-HNGĐ	**NT, ngày 02 tháng 8 năm 2024**

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 215/2024/TLST-HNGĐ 21/3/2024 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Ông Bùi Quang N – sinh năm 1968;
ĐKTT: Tổ 10 thôn C, xã H, thành phố T
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L– sinh năm 1987;
ĐKTT: Tổ 10 thôn C, xã H, thành phố T.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Bùi Quang N** và bà **Nguyễn Thị L**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Bùi Quang N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Quốc C sinh ngày 30/10/2007 và cháu Bùi Nguyễn Thiên K sinh ngày 08/3/2014 cho đến khi các cháu trưởng thành và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà L, ông N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp

nuôi dưỡng. Đồng thời người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Ông Bùi Quang N và bà Nguyễn Thị L mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông N tự nguyện nộp toàn bộ án phí thay cho bà L. Như vậy, ông Bùi Quang N phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002108 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả lại cho ông N số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND xã H(CNKH số 44/2011 ngày 27/9/2011);
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Dương Thị Phương Dung